

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 529/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 / 7 / 2022.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Y**.

Ông **Tạ Công Minh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hà** -Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “**Ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 01 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa,

huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh C không lo làm ăn, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/6/2013, hiện nay 02 con đang sống với anh C. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho một cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2022 của Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Anh và chị T do quen biết và xác lập hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh và chị T thường hay cãi vã về tiền bạc, mặc dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/6/2013, hiện nay 02 con đang sống với anh. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho một cháu của chị T

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C.

Về con chung: Đề nghị giao có 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/6/2013, cho anh C tiếp tục nuôi

dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho một cháu. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim T, bị đơn anh Nguyễn Văn C có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Văn C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu của chị Trần Thị Kim T xét thấy:

Chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Văn C chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu chị và anh C chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không lo làm ăn, anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Đến năm 2021 giữa chị và anh C còn phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế gia đình. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay.

Bị đơn anh C trình bày, giữa anh và chị T phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2021, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tiền bạc. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Qua xem xét lời trình bày của chị T và anh C, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh C, anh C đồng ý, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/6/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy hai con của chị T và anh C đã trên 07 tuổi, hai cháu P và P1 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh C, chị T đồng ý giao 02 con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của hai con P và P1,

Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/6/2013 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/6/2013 mỗi tháng 2.000.000đồng cho một cháu, anh C đồng ý với mức cấp dưỡng trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[5] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/6/2013 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Kim T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Kim T cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 29/6/2013 mỗi tháng 2.000.000đồng cho một cháu, thực hiện từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi hai con tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày anh C có yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004086 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, do đó còn phải nộp tiếp 300.000đồng.

5. Chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn